

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/DSST
Ngày: 27-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Ứng.

2. Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần TTC, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp G, xã PD, huyện TPĐ, tỉnh TG.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn TT, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp LQ 1, xã PD, huyện TPĐ, tỉnh TG.

(Bà C có mặt, bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần TTC trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn TT có chơi 01 phần hụi do bà C làm chủ hụi, loại hụi 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), bà T đã hốt hụi được 32.070.000đ (*ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*). Khi hốt hụi xong thì bà T đồng được cho C được 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền hụi. Nay bà T còn nợ lại tôi số tiền hụi là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*). Bà C đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nhưng bà T không trả.

Nay bà C yêu cầu chị T trả số tiền là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*) và số tiền chi phí giám định là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị đơn bà Nguyễn TT vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày ý kiến.

Ý kiến Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần TTC. Buộc bà Nguyễn TT trả cho bà Trần TTC số tiền hụi là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*) và số tiền chi phí giám định là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại **Điều 471** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần TTC trả cho bà T số tiền vốn gốc là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà cung cấp cho Tòa án biên nhận hụi ngày ngày 20 tháng 02 năm 2020 có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Nguyễn TT xác nhận có nợ số tiền hụi là 31.000.000đ (*Ba mươi một triệu đồng*). Bà C xác nhận bà T đã trả được 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) và còn nợ lại 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*). Theo kết luận giám định số 1247/KTHS-Đ2 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang ngày 11

tháng 01 năm 2021: “Chữ ký mang tên Nguyễn TT trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn TT trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra. Chữ viết họ tên “NTT” (phía dưới chữ ký) trên tài liệu cần giám định ký hiệu mẫu A so với chữ viết họ tên “Nguyễn TT” (phía dưới chữ ký) trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra”. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu bà Nguyễn TT trả số tiền vốn gốc là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà C yêu cầu bà T trả lại chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn TT đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình vụ án và không đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán số tiền nợ hui như yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn TT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, **235 Bộ luật Tố tụng dân sự;**
- Căn cứ các Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần TTC.

Buộc bà Nguyễn TT trả cho bà Trần TTC số tiền vốn gốc là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) và tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Trần TTC có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn TT chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn TT chịu số tiền án phí là 1.125.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Hoàn lại cho bà Trần TTC số tiền 525.000đ (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49565 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Hải